

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST  
Ngày 14/11/2019  
*“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hụi và vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG -TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Võ Minh Sơn

2- Bà Phạm Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều-**Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa-**Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Y**, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **B**, sinh năm 1987 cùng chồng là anh **T**, sinh năm 1987. (Cả hai đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X A, xã T A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Y trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị B có tham gia chơi hụi do chị Y làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Hội mở ngày 15/8/2016 âm lịch, 5.000.000 đồng/phần, có 20 hội viên tham gia là 20 phần, 03 tháng khai hội 01 lần. Trong đó chị B tham gia 01 phần, lĩnh hội vào ngày 15/8/2016 âm lịch với số tiền 46.900.000 đồng. Sau khi lĩnh hội chị B không góp hội chết từ ngày 16/8/2017 âm lịch đến mãn hội là 19 lần x 5.000.000 đồng = 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

- Hội mở ngày 19/8/2016 âm lịch, 1.000.000 đồng/phần, có 22 hội viên tham gia là 28 phần, 01 tháng khai hội 01 lần. Chị B tham gia 01 phần, góp hội hàng tháng đến ngày 19/01/2017 âm lịch thì lĩnh hội với số tiền 17.540.000 đồng. Chị B không góp hội chết từ ngày 20/01/2017 âm lịch đến mãn hội là 22 lần x 1.000.000 đồng = 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

- Hội mở ngày 06/12/2016 âm lịch, 3.000.000 đồng/phần, có 20 hội viên tham gia là 22 phần, 02 tháng khai hội 01 lần. Chị B tham gia 01 phần góp hội đến ngày 06/11/2017 âm lịch thì lĩnh hội với số tiền 39.600.000 đồng. Chị B chưa góp hội chết từ ngày 07/11/2017 âm lịch đến ngày mãn hội là 18 lần x 3.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

Ngoài ra chị Y cho chị B vay số tiền 23.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hội chưa góp và tiền vay là 165.000.000 đồng, chị B đã thừa nhận thông qua biên nhận nợ. Trừ ra 07 lần chị B đã góp hội cho chị là 35.000.000 đồng, số nợ còn lại là 130.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện chị Y yêu cầu vợ chồng chị B, anh T trả số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 20/9/2019 chị Y thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, với lý do trong thời gian cam kết chị B đã trả cho chị Y 10.000.000 đồng, nên chị Y yêu cầu chị B và anh T trả số tiền còn lại là 120.000.000 đồng.

*Bị đơn chị B, anh T vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/10/2019 chị B trình bày như sau:*

Chị B thừa nhận có tham gia chơi hội và vay tiền của chị Y. Tiền lĩnh hội chị B dùng để chi tiêu trong gia đình. Do không có tiền góp hội cho chị Y nên chị B có vay tiền của chị Y để trang trải. Đến nay chị B còn nợ chị Y 120.000.000 đồng. Chị B không có khả năng trả một lần toàn bộ số nợ trên, yêu cầu chị Y cho chị B trả dần mỗi năm từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Y xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện như sau: Theo nội dung khởi kiện ban đầu chị yêu cầu chị B, anh T trả số tiền nợ tổng cộng là 130.000.000đ, trong thời gian thỏa thuận chị B có trả cho chị được số tiền là 10.000.000đ, còn lại 120.000.000đ. Chị xin rút lại 1 phần nội dung khởi kiện là yêu

cầu chị B trả số tiền là 78.000.000đ còn số tiền 42.000.000đ trong đó đây hội 5.000.000đ còn 06 lần và đây hội 3.000.000đ còn 04 lần chưa đến hạn chị sẽ khởi kiện sau.

Về trách nhiệm trả nợ, chị Y chỉ yêu cầu chị B có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu anh T chồng chị Y phải có trách nhiệm cùng trả nợ với chị Y.

Chị B, anh T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với chị B, anh T thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội và vay tài sản, các giao dịch này thực hiện sau ngày 01/7/2016 nên được điều chỉnh theo quy định tại các Điều 463, 471, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị B, anh T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị B, anh T.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Y yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng chị B, anh T có trách nhiệm trả số tiền hội và tiền vay là 78.000.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên nhận nợ “Tờ thừa nhận” đề ngày 24/9/2018, biên bản xác minh và lời thừa nhận của chị B trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định chị B có tham gia chơi hội và vay tiền của chị Y, chị B còn nợ chị Y số tiền 130.000.000 đồng.

Tuy nhiên trong số tiền này, chị B trả được 10.000.000đ còn số tiền 42.000.000đ chưa đến hạn nên chị xin rút lại.

Tại biên bản ghi lời khai chị B thừa nhận toàn bộ số tiền đúng như chị Y trình bày.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử căn cứ các điều

463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc chị B trả cho chị Y số tiền 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Chị Y không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là  $78.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.900.000 \text{ đồng}$  (Ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Chị Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000944 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần khởi kiện của chị Y đối với chị B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản với số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với chị B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản.

Buộc chị B trả cho chị Y số tiền hụi và tiền vay còn nợ là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là  $78.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.900.000 \text{ đồng}$  (Ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Chị Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000944 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm (ngày 14/11/2019). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**